

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2022/DS-ST**
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Hiếu

Ông Lý Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mỹ Tiên**-Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 203/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Long Đ, địa chỉ: XX, ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn:

- Đỗ Văn T

- Phạm Thị Tuyết M

Cùng địa chỉ: ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Long Đ trình bày: Ông Đ làm chủ hui, ông T, bà M là hui viên tham gia chung 04 dây hui, sau khi hốt hui xong thì ông T, bà M không đóng hui chết đầy đủ cho chủ hui nên ông Đ phải đóng thay, cụ thể như sau: Dây 1 hui mùa (04 tháng khai một lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âm lịch, có 16 phần, ông T, bà M tham gia chung 01 phần (đề tên T), hốt hui ở lần khai đầu tiên được số tiền 45.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hui chết được 11 lần rồi ngưng không đóng nữa; ông Đ phải bỏ tiền ra để đóng thay

02 lần số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến nay chưa được ông T, bà M hoàn lại. Dây hụi này còn 02 lần khai nữa mới mãn; Dây 2 hụi mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âm lịch, có 15 phần, ông T, bà M tham gia chung 01 phần, sau khi đóng hụi sống được 02 lần đến lần khai thứ 3 thì hốt hụi được số tiền 16.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 09 lần rồi ngưng không đóng nữa; ông Đ phải bỏ tiền ra để đóng thay 02 lần số tiền 4.000.000 đồng nhưng đến nay chưa được ông T, bà M hoàn lại. Dây hụi này còn 01 lần khai nữa mới mãn; Dây 3 hụi mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âm lịch, có 14 phần, ông T, bà M tham gia chung 01 phần, hốt hụi ở lần khai đầu tiên được số tiền 23.400.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 07 lần rồi ngưng không đóng nữa; ông Đ phải bỏ tiền ra để đóng thay 02 lần số tiền 6.000.000 đồng nhưng đến nay chưa được ông T, bà M hoàn lại. Dây hụi này còn 04 lần khai nữa mới mãn; Dây 4 hụi mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âm lịch, có 14 phần, ông T, bà M tham gia chung 01 phần, sau khi đóng hụi sống được 01 lần đến lần khai thứ 2 thì hốt hụi được số tiền 21.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 06 lần rồi ngưng không đóng nữa; ông Đ phải bỏ tiền ra để đóng thay 02 lần số tiền 6.000.000 đồng nhưng đến nay chưa được ông T, bà M hoàn lại. Dây hụi này còn 04 lần khai nữa mới mãn. Tổng cộng 04 dây hụi ông T, bà M còn nợ ông Đ 26.000.000 đồng. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M trả số tiền 26.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà M không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 26.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả ông Đ, ông T, bà M đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa các đương sự là hợp pháp.

[3] Đối với phía bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng ông T và bà M không có ý kiến trả lời. Tòa án có xác minh một số người cùng tham gia các dây hụi chung với ông T, bà M được biết ông T, bà M có tham gia các dây hụi do ông Đ làm chủ hụi nêu trên và đã hốt hụi xong là

có thật; đồng thời qua xác minh được biết ông T, bà M có đăng ký thường trú tại ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nhưng gần đây đã bỏ đi khỏi địa phương, chính quyền địa phương không biết ông T, bà M đi đâu, làm gì, vì không có trình báo, điều này cho thấy ông T, bà M đã cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ đối với người khác nếu có; mặt khác, việc ông T, bà M cố tình giấu địa chỉ cũng được coi là ông T, bà M từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về lỗi: Ông T, bà M là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền góp hụi cho chủ hụi là ông Đ, ông Đ đã phải đóng thay cho ông T, bà M để duy trì các dây hụi; chính việc vi phạm nghĩa vụ của ông T, bà M đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông Đ. Do đó, ông T, bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ toàn bộ số tiền hụi mà ông Đ đã góp thay.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định ông T, bà M còn nợ ông Đ 26.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T, bà M phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Đ số tiền này theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[6] Đối với dây hụi chưa mãn, chưa đến ngày khai hụi tại thời điểm khởi kiện đã có đề cập ở phần trên (dây 1 còn 02 lần, dây 2 còn 01 lần, dây 3 còn 04 lần và dây 4 còn 04 lần) thì Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 25 và 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và Điều 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn; buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Long Đ số tiền 26.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M phải liên đới chịu án phí số tiền 1.300.000 đồng.

2.2. Ông Huỳnh Long Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 650.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00039XX ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu